

Phụ lục I

VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO CƠ QUAN CHỦ QUYỀN QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 39, ĐIỀU 40

STT	Tên loại văn bản
I	VĂN BẢN NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NSNN; GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH (KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN, KẾ HOẠCH HÀNG NĂM)
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
1	- Công văn về việc cung cấp số liệu đầu vào thực hiện CTMT GNBV 2021-2025.
2	- Công văn về lập danh mục thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững
3	- Tờ trình về kế hoạch thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025
4	- Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
5	- Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2023
6	- Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025
II	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
1	- Quyết định về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư các Dự án, tiểu dự án thuộc nguồn vốn NSNN
2	- Nghị quyết về kế hoạch vốn ngân sách trung ương thuộc các Chương trình Mục tiêu Quốc gia
3	- Quyết định về việc giao chi tiết kế hoạch vốn thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc nguồn vốn NSNN
4	- Nghị quyết về kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Bảo Yên
5	- Quyết định về việc chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023 vốn NSNN
6	- Nghị quyết về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình MTQG
7	- Quyết định về việc giao kế hoạch thực hiện và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn các Dự án
III	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
1	- Quyết định về việc điều chỉnh kế hoạch thực hiện và lồng ghép các dự án “Liên kết p
IV	VĂN BẢN VỀ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG (VỐN TÍN DỤNG, VỐN HUY ĐỘNG HỢP PHÁP KHÁC) (NẾU CÓ)
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
V	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐTXD QUY MÔ NHỎ, KỸ THUẬT KHÔNG PHỨC TẠP (NẾU CÓ)
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường

VI	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
VII	VĂN BẢN VỀ KIẾN TOÀN, THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO CÁC CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
1	- Công văn về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Bảo Yên.
2	- Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Bảo Yên g
3	- Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phụ trách g
4	- Công văn về việc đăng ký thành viên Tổ giúp việc Chương trình Mục tiêu Quốc gia C
5	- Quyết định về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và đôn đốc tiến
IX	VĂN BẢN BAN HÀNH CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (NẾU CÓ)
1	Văn bản quy phạm pháp luật
2	Văn bản thông thường
1	- Quyết định về việc Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.
2	- Quyết định về việc Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022.

UBND huyện	Số 232/UBND-VP ngày 17/02/2022
Huyện ủy	Số 1025-QĐ/HU ngày 18/02/2022
BCĐ các CT MTQG huyện	Số 11-QĐ/BCĐ ngày 19/6/2022
UBND huyện	Số 232/UBND-LĐTĐBXH ngày 04/3/2022
UBND huyện	Số 1142/QĐ-UBND ngày 03/4/2023
UBND huyện	Số 6415/QĐ-UBND ngày 15/12/2021
UBND huyện	Số 5556/QĐ-UBND ngày 19/12/2022

Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025				Đánh giá khả năng thực hiện mục tiêu đến năm 2025
				2021	2022	2023		
						6 tháng đầu năm	Ước cả năm 2023	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG							
I	MỤC TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2021/QH15 CỦA QUỐC HỘI							
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm hằng năm	%/năm	3-4%		7.74	2.52	4.30	1.80
2	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hằng năm	%/năm			9.56	4.10	6.10	3.50
3	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
4	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn	%						
II	MỤC TIÊU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 90/QĐ-TTG NGÀY 18/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ							
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm hằng năm	%/năm	3-4%		7.74	2.52	4.30	1.80
2	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hằng năm	%/năm			9.56	4.10	6.10	3.5
3	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
4	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
5	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn	%						
6	Giảm số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia							
a)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ		4,286				
b)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ			2,663	2,127	1,744	526
c)	Tỷ lệ giảm số hộ nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%			37.87	20.13	34.51	87.73
d)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ		3,527				
đ)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ			2,440	1,938	1,480	524
e)	Tỷ lệ giảm số hộ cận nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%			30.82	20.57	39.34	85.14
7	Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng							
a)	Tỷ lệ huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng	%						
b)	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng	%						
8	Mục tiêu, chỉ tiêu hỗ trợ phát triển sản xuất							

a)	Số mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Mô hình, dự án						
b)	Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất	%						
9	Mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo, nâng cao năng lực							
	Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn	%						
10	Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản							
a)	Chiều thiếu hụt về việc làm:							
(1)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	%						
(2)	Số người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công	Người						
(3)	Số người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đào tạo	Người						
	Trong đó: Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Người						
(4)	Số người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.	Người						
b)	Chiều thiếu hụt về y tế:							
(1)	Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế	%						
(2)	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	%						
c)	Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:							
(1)	Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi	%						
(2)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo	%						
	Trong đó: Tỷ lệ được cấp chứng chỉ	%						
(3)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp	%						
d)	Chiều thiếu hụt về nhà ở:							
	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở	Hộ						

đ)	Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:							
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%						
(2)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	%						
e)	Chiều thiếu hụt về thông tin:							
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, in-tơ-nét	%						
(2)	Tỷ lệ các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững	%						

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Tổng Kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2023																											
		Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao		Tổng cộng giai đoạn 2021-2023											Chi tiết Kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023														
				Trong đó:											NĂM 2021						NĂM 2022								
		Trong đó:		Trong đó:											Trong đó:														
		Tổng cộng	NSTW (theo các QĐ: 562/QĐ-TTg, 147/QĐ-TTg)	NSDP	NSTW			NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)		Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	Tổng cộng	NSTW		NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)		Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	Tổng cộng	NSTW			NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)		Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)
			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN						Trong nước	SN	ĐTPT	SN					Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT	SN					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	TỔNG SỐ	55971	55971	0	21236	0	0	21236	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6220	0	0	6220	0	0	0	0	
B	CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	55971	55971	0	21236	0	0	21236	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6220	0	0	6220	0	0	0	0	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23152	23152		8875	0	0	8875	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2416			2416					
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	13101	13101	0	4562	0	0	4562	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1045	0	0	1045	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp				3729	0	0	3729	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1045			1045					
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng				833	0	0	833	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	14373	14373	0	5787	0	0	5787	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2043	0	0	2043	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				4878	0	0	4878	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1817			1817					
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				909	0	0	909	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	226			226					
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								

VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	890	890	0	318	0	0	318	0	0	0	0	9	0	0	0	0	0	0	0	58	0	0	58	0	0	0	0	0
					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều				318	0	0	318	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	58			58					
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	4455	4455	0	1694	0	0	1694	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	658	0	0	658	0	0	0	0	0
					1105	0	0	1105	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	430			430				
1	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình				1105	0	0	1105	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	430			430					
2	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá				589	0	0	589	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	228			228					

Tổng Kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2023																		Dự kiến huy động nguồn lực giai đoạn 2024 - 2025										Ghi chú			
Chi tiết Kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023																															
06 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2023									ƯỚC CẢ NĂM 2023									Tổng cộng													
Tổng cộng	Trong đó:									Tổng cộng	Trong đó:									Tổng cộng	Trong đó:										
	NSNN					Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	NSNN					Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	NSNN														
	NSTW			NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)					NSTW			NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)					NSTW				NSDP										
	ĐTPT		SN	ĐTPT	SN				ĐTPT		SN	ĐTPT	SN				ĐTPT		SN		ĐTPT	SN									
Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Trong nước			Ngoài nước	Trong nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Trong nước			Ngoài nước	Trong nước	Trong nước	Ngoài nước														
(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)				
15016	0	0	15016	0	0	0	0	0	15016	0	0	15016	0	0	0	0	0	34735	0	0	34735	0	0	0	0	0					
15016	0	0	15016	0	0	0	0	0	15016	0	0	15016	0	0	0	0	0	34735	0	0	34735	0	0	0	0	0					
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
0									0									0													
0									0									0													
6459			6459						6459			6459						14277			14277										
3517	0	0	3517	0	0	0	0	0	3517	0	0	3517	0	0	0	0	0	8539	0	0	8539	0	0	0	0	0					
2684			2684						2684			2684																			
833			833						833			833																			
3744	0	0	3744	0	0	0	0	0	3744	0	0	3744	0	0	0	0	0	8586	0	0	8586	0	0	0	0	0					
3061			3061						3061			3061																			
0			0						0			0																			
683			683						683			683																			
0			0						0			0						0			0										

														11															
260	0	0	260	0	0	0	0	0	0	260	0	0	260	0	0	0	0	0	0	572	0	0	572	0	0	0	0	0	
0			0							0																			
260			260							260			260																
1036	0	0	1036	0	0	0	0	0	0	1036	0	0	1036	0	0	0	0	0	0	2761	0	0	2761	0	0	0	0	0	
675			675							675			675																
361			361							361			361																

KẾT QUẢ SỬ DỤNG, GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Tổng giải ngân vốn nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2023																											
		Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao				Tổng cộng giai đoạn 2021-2023											Chi tiết Kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023												
																	NĂM 2021					NĂM 2022							
		NĂM 2022 (giải ngân đến 31/01/2023)					NĂM 2022 (vốn được kéo dài, tính đến 30/6/2023)																						
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:					
NSTW (theo các QĐ: 562/QĐ-TTg, 147/QĐ-TTg)	NSDP		NSNN			NSNN			NSNN			NSNN			NSNN			NSNN			NSNN			NSNN		NSNN		NSNN	
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN
Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	ĐTPT	SN						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)			
	TỔNG CỘNG	55971	55971	0	2055.79	0	0	2055.8	0	0	0	0	0	0	2055.79	0	0	2055.8	0	0	2238.2	0	0	2238.2	0	0			
B	CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	55971	55971	0	2055.79	0	0	2055.8	0	0	0	0	0	0	2055.79	0	0	2055.8	0	0	2238.2	0	0	2238.2	0	0			
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0			0	0	0	0	0	0	0				0						0								
2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	0			0	0	0	0	0	0	0				0						0								
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23152	23152	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	13101	13101	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp				0	0	0	0	0	0	0				0						0								
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng				0	0	0	0	0	0	0				0						0								
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	14373	14373	0	1692.29	0	0	1692.3	0	0	0	0	0	0	1692.29	0	0	1692.3	0	0	1692.3	0	0	1692.3	0	0			
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				0	1466.29	0	0	1466.3	0	0	0	0	0	1466.29	0	0	1466.3	0	0	1466.3	0	0	1466.3	0	0			
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				0	0	0	0	0	0	0				0						0								
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				226	0	0	226	0	0	0				226			226			226								
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	890	890	0	58	0	0	58	0	0	0	0	0	0	58	0	0	58	0	0	58	0	0	58	0	0			
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin				0	0	0	0	0	0	0				0			0			0			0					
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều				58	0	0	58	0	0	0				58			58			58			58					
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	4455	4455	0	305.506	0	0	305.51	0	0	0	0	0	0	305.506	0	0	305.51	0	0	487.91	0	0	487.91	0	0			

1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình				196.8	0	0	196.8	0	0	130				196.8			196.8			379.2			379.2		
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá				108.706	0	0	108.71	0	0	0				108.706			108.71			108.71			108.71		

Tổng giải ngân vốn nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2023																			Ghi chú		
Chi tiết Kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023																					
NĂM 2022						NĂM 2023															
NĂM 2022 (vốn được kéo dài, ước đến 31/12/2023)						06 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2023						ƯỚC CẢ NĂM 2023									
Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:								
	NSNN						NSNN						NSNN								
	NSTW			NSDP			NSTW			NSDP			NSTW			NSDP					
	ĐTPT (bao gồm KH 2021 chuyển sang năm 2022)			SN	ĐTPT		SN	ĐTPT			SN		ĐTPT	SN	ĐTPT			SN		ĐTPT	SN
	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước					Trong nước	Ngoài nước	Trong nước					Trong nước	Ngoài nước	Trong nước				
(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)			
5699.2	0	0	5699.2	0	0	0	0	0	0	0	0	15016	0	0	15016	0	0				
5699.2	0	0	5699.2	0	0	0	0	0	0	0	0	15016	0	0	15016	0	0				
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
0						0															
0						0															
2416			2416			0						6459			6459						
1045	0	0	1045	0	0	0	0	0	0	0	0	3517	0	0	3517	0	0				
1045			1045			0						2684			2684						
	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	833	0	0	833	0	0				
1692.3	0	0	1692.3	0	0	0	0	0	0	0	0	3744	0	0	3744	0	0	0			
1466.3	0	0	1466.3	0	0	0	0	0	0	0	0	3061	0	0	3061	0	0				
0			0			0						0			0						
226			226			0						683			683						
0			0			0						0			0						
58	0	0	58	0	0	0	0	0	0	0	0	260	0	0	260	0	0	0			
0			0			0						0			0						
58			58			0						260			260						
487.91	0	0	487.91	0	0	0	0	0	0	0	0	1036	0	0	1036	0	0	0			

379.2			379.2			0			15			675			675		
108.71			108.71			0						361			361		

NĂM 2022								NĂM 2023												Ghi chú
Kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2022 đến 30/6/2023				Ước giải ngân nguồn vốn năm 2022 đến 31/12/2023				Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023				Kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2023 đến 30/6/2023				Ước giải ngân nguồn vốn năm 2023 đến 31/12/2023				
Tổng số				Tổng số				Tổng số				Tổng số				Tổng số				
Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	
	NSTW	NSDP			NSTW	NSDP			NSTW (QĐ 1513/QĐ-TTg)	NSDP			NSTW	NSDP			NSTW	NSDP		
0	0	0	0	0	0	0	0	9,143	9,143	0	0	0	0	0	0	11,010	11,010	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	9,143	9,143	0	0	0	0	0	0	11,010	11,010	0	0	
								2,197	2,197							3,889	3,889			
								2,100	2,100							2,100	2,100			
								2,162	2,162							2,886	2,886			
								1,090	1,090							2,135	2,135			
								1,594	1,594							0				